

Số phiếu: 04871/2025/PKQ-THH (25.5141)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2025

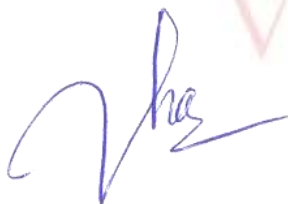
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC LONG KHÁNH
- Địa điểm lấy mẫu : BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC LONG KHÁNH
- Địa chỉ lấy mẫu : 911 Đường 21 tháng 4, Phường Bình Lộc, Tỉnh Đồng Nai
- Ngày lấy mẫu : 17/10/2025
- Thời gian thử nghiệm : 18/10/2025 - 29/10/2025
- Ngày trả kết quả : 03/11/2025
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	251018.NT.002	Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (X = 1209 853; Y = 441 245)	Nước thải
2	251018.NT.003	Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (X = 1209 848; Y = 441 219)	Nước thải
3	251018.KK.002	Khu vực phòng chụp X-Quang	Không khí lao động

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P.GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 04871/2025/PKQ-THH (25.5141)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251018.NT.002)

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 28:2010/ BTNMT	QCVN 40:2011/ BTNMT
				Cột A; K=1,0	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,1
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,52	6,5 ÷ 8,5
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	125	50
3	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	63	30
4	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	147	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	25,0	5
6	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500S2-.B&D:2023	0,057	1
7	Dầu mỡ động thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	5,1	10
8	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	3,34	6
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	3,06	30
10	Salmonella ^(d)	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH (MDL=3)	KPH
11	Shigella ^(d)	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9276B:2023	KPH (MDL=3)	KPH
12	Vibrio cholerae ^(d)	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9278B:2023	KPH (MDL=3)	KPH
13	Coliform ^(a,b)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	8,4 x 10 ³	3.000

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 04871/2025/PKQ-THH (25.5141)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2025

Chủ thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 10,11,12 do Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú - Vimcerts 292 thực hiện.

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A, $K=1,0$: Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; K: Hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế

- Cột A, $K_q=0,9$ và $K_f=1,1$: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- QCVN 28:2010/BTNMT Cột A; $K=1,0$ và QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A, $K_q=0,9$ và $K_f=1,1$: ghi nhận theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3661/QĐ-UBND ngày 30/12/2010.

- 251018.NT.002: Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải ($X = 1209\ 853$; $Y = 441\ 245$).



Số phiếu: 04871/2025/PKQ-THH (25.5141)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251018.NT.003)

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 28:2010/ BTNMT	QCVN 40:2011/ BTNMT
				Cột A; K=1,0	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,1
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,67	6,5 ÷ 8,5
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	24	50
3	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	10	30
4	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	22	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	2,95	5
6	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500S2-.B&D:2023	0,023	1
7	Dầu mỡ động thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,6	10
8	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	2,05	6
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	KPH (MDL=0,05)	30
10	Salmonella ^(d)	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH (MDL=3)	KPH
11	Shigella ^(d)	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9276B:2023	KPH (MDL=3)	KPH
12	Vibrio cholerae ^(d)	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9278B:2023	KPH (MDL=3)	KPH
13	Coliform ^(a,b)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	1,5 x 10 ³	3.000

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 04871/2025/PKQ-THH (25.5141)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2025

Chủ thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- (a)- chỉ hiệu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 10,11,12 do Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú - Vimcerts 292 thực hiện;
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cột A; K=1,0: Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; K: Hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế
- Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,1: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- QCVN 28:2010/BTNMT Cột A; K=1,0 và QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,1: ghi nhận theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3661/QĐ-UBND ngày 30/12/2010.
- 251018.NT.003: Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải ($X = 1209\ 848$; $Y = 441\ 219$)

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 04871/2025/PKQ-THH (25.5141)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251018.KK.002)

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	TT19/2012/ TT-BKHCN
				Tại nơi làm việc
1	Tia X mSv/hr	TCVN 6561-1999	0,000251	0,011

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- TT19/2012/ TT-BKHCN: Quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng

- 251018.KK.002: Khu vực phòng chụp X-Quang

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

